TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2022/DS-ST Ngày: 12-4-2022 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bỉ

Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy là Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2.2 Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 6, khóm H, thị trấn TH, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Hồng C trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Do chỗ lối xóm quen biết ở gần nhà, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Mỹ H vay tiền nhiều lần với hình thức là chuyển khoản vào số tài khoản của bà H lần lượt: số tài khoản 7140109525008 Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long An và số tài khoản 3285587 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Long An. Đây là hai số tài khoản của bà H mở tại 02 Ngân hàng nêu trên. Cụ thể:

Tại số tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Long An: Ngày 12/7/2019, bà chuyển khoản cho bà H vay số tiền 25.000.000 đồng; Ngày 17/9/2019, bà chuyển khoản cho bà H vay số tiền là 30.000.000 đồng.

Tại số tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long An: Ngày 12/8/2019, bà chuyển khoản cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 23/8/2019, bà chuyển khoản cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng. ngày 29/8/2019, bà chuyển khoản cho bà H vay số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng cộng bà đã chuyển khoản cho bà H vay là 195.000.000 đồng. Khi cho vay các bên chỉ có thỏa thuận miệng là ba ngày sau khi nhận tiền chuyển khoản thì bà H và ông Đ sẽ trả lại, không có thỏa thuận lãi suất.

Sau đó, bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đ và bà H trả lại khoản vay cho bà nhưng ông Đ và bà H cứ hứa hẹn và không trả. Vụ việc này, bà đã có khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ và được Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 20/4/2020. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông Đ và bà H có gặp bà tH lượng trả tiền. Sau đó, bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 10/2020/QĐST-DS ngày 22/4/2020. Sau khi bà rút đơn kiện thì ông Đ và bà H vẫn không trả nợ cho bà và cố tình lãng tránh việc trả nợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 195.000.000 đồng.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà C nhưng ông Đ và bà H không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của bà C.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án thu thập, lời trình của nguyên đơn tại phiên tòa thì căn cứ các chứng từ giao dịch chuyển khoản mà nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định

nguyên đơn đã cho bị đơn vay tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà C khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H có nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo các chứng từ giao dịch tại Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, Ngày 17/5/2021, Công an xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã xác định ông Đ và bà H có hộ khẩu thường trú tại Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.nhưng không còn sinh sống tại địa pH. Ngày 20/10/2021 và 01/3/2022, Công an xã thị trấn Cái Tàu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xác nhận bà Phạm Thị Mỹ H đã đi khỏi nơi tạm trú từ tháng 4/2021 cho đến nay không có mặt tại địa phương và không rõ đi đâu. Xét thấy, quá trình phát sinh giao dịch dân sự giữa bà C với ông Đ, bà H được thực hiện tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tân Trụ - Đông Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Từ khi thụ lý vụ kiện, Toà án tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên pH tiên thông tin đại chúng, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn là ông Đ và bà H vẫn vắng mặt, không có ý kiến hay phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà C. Sau khi tiến hành các thủ tục niêm yết công khai như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Toà án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Ông Đ, bà H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông Đ và bà H.

[1.3] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung của vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Bà C khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 195.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là nằm trong

phạm vi pháp luật cho phép và không trái với quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là ông Đ, bà H không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà C cung cấp nên đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định, cụ thể: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

[2.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà C đã xuất trình 05 chứng cứ giao dịch tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Tân Trụ - Đông Long An vào các ngày 12/7/2019, 12/8/2019, 23/8/2019, 29/8/2019 và 17/9/2019 với cùng nội dung: "VO THI HONG CAM chuyen khoan cho c Huong muon" lần lượt vào số tài khoản 7140109525008 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long An và số tài khoản 3285587 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Long An được Ngân hàng Quân Đội và Ngân hàng Á Châu xác nhận là số tài khoản của bà PHạm Thị Mỹ H theo Văn bản số 63/MB-LA ngày 05/5/2021 (Bút lục số 92) và văn bản số 65/CV_LOA.21 ngày 29/4/2021 (Bút lục số 83), đã chứng minh được có sự việc bà C cho bà H vay số tiền tổng cộng là 195.000.000 đồng. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 132/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2019 đã công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn Đ, về nợ chung: không có. Tuy nhiên, các khoản nợ nêu trên đều phát sinh vào tháng 7, 8 và 9 năm 2019 trước khi bà H và ông Đ ly hôn. Do đó, Bà C đã yêu cầu bà H và ông Đ trả nợ vay nhưng bà H và ông Đ vẫn chưa trả nợ cho bà C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Từ những phân tích tại đoạn [1.4], [2.1], [2.2] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C; Buộc bà H và ông Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền vay còn nợ là 195.000.000 đồng.

[4] Về chi phí đăng báo, đài là 3.000.000 đồng: do bà C là người yêu cầu nên bà C phải chịu theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp xong.

[5] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bà H và ông Đ phải liên đới chịu 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn là bà C không phải chị án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 180, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Mỹ H.

Buộc bà bà Phạm Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng C số tiền vay còn nợ là 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí đăng báo, đài là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng): Bà Võ Thị Hồng C phải chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí:

3.1 Buộc bà Phạm Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

4.2 Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 10.964.000 đồng (Mười triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) cho bà Võ Thị Hồng C theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004307 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương